

Số: 1885/QĐ-UBND

Krông Búk, ngày 16 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả phỏng vấn (vòng 2), dự kiến người trúng tuyển
kỳ xét tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập
thuộc UBND huyện Krông Búk**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức, ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/03/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND, ngày 07/8/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc Ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 07/8/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 863/QĐ-SNV ngày 25/10/2019 của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk về việc Phê duyệt Phương án tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Krông Búk, năm 2019; Căn cứ Quyết định số 324a/QĐ-SNV ngày 02/6/2020 về việc điều chỉnh chỉ tiêu tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Krông Búk năm 2019 tại Quyết định số 863/QĐ-SNV ngày 25/10/2019 của Sở Nội vụ;

Xét Tờ trình số 20/TTr-HĐXTVC ngày 16/6/2020 của Hội đồng xét tuyển viên chức.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả phỏng vấn (vòng 2) kỳ xét tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Krông Búk, gồm: **198 thí sinh**. Trong

đó, bậc Mầm non 53 thí sinh, bậc Tiểu học 97 thí sinh, bậc THCS 45 thí sinh, Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện 02 thí sinh, Kho lưu trữ huyện 01 thí sinh.

Dự kiến người trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Krông Búk, gồm: **71 người**. Trong đó, bậc mầm non 16 người, bậc tiểu học 38 người, bậc THCS 14 người, Đài Truyền thanh – Truyền hình 02 người, Kho lưu trữ huyện 01 người.

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Trưởng Phòng Nội vụ huyện:

1. Căn cứ Quyết định này, tham mưu Chủ tịch UBND huyện gửi Thông báo kết quả phỏng vấn (vòng 2) bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

2. Căn cứ chỉ tiêu tuyển dụng đã được Sở Nội vụ phê duyệt tại Quyết định số 324a/QĐ-SNV ngày 02/6/2020 về việc điều chỉnh chỉ tiêu tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Krông Búk năm 2019 tại Quyết định số 863/QĐ-SNV ngày 25/10/2019 của Sở Nội vụ, tham mưu Chủ tịch UBND huyện trình Sở Nội vụ phê duyệt kết quả xét tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Krông Búk.

3. Trên cơ sở phê duyệt kết quả xét tuyển viên chức của Sở Nội vụ, tham mưu Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định công nhận kết quả trúng tuyển và gửi Thông báo bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo tuyển, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Sở Nội vụ;
 - Sở GD&ĐT;
 - TT. Huyện ủy;
 - TT. HĐND huyện;
 - CT, các PCT UBND huyện;
 - Lưu: VT, NV.
- } (báo cáo)



Vũ Văn Mỹ



**KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN MẦM NON**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18887/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
1	Nguyễn Thị Bích Hường	Nữ	24-09-1995	Kinh		CĐ	GD Mầm non	Tiếng Anh B	B		83,5	83,5
2	Lê Thị Tùng Nga	Nữ	14-05-1994	Kinh		TC	GD Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDTHCB		83,5	83,5
3	Nguyễn Thị Ly	Nữ	19-05-1994	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDTHCB		83,25	83,25
4	Vũ Thị Hải	Nữ	27-09-1991	Kinh		ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDTHCB		83,0	83,0
5	Trần Thị Huyền	Nữ	06-02-1996	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh 2/6	ƯDTHCB		83,0	83,0
6	Phan Thị Thúy Hằng	Nữ	18-12-1987	Kinh		ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDTHCB		82,75	82,75
7	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	23-07-1991	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	B		82,5	82,5
8	Lê Thị Ngọc Thúy	Nữ	07-12-1992	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh 2/6	ƯDTHCB		82,5	82,5
9	Phạm Thị Trang	Nữ	14-09-1989	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDTHCB		82,5	82,5
10	Nguyễn Thị Cẩm Thúy	Nữ	15-06-1989	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh 2/6	ƯDTHCB		82,0	82,0
11	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	23-07-1994	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	A		81,75	81,75
12	Phạm Thị Hồng Ngọc	Nữ	20-04-1994	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	B		81,0	81,0
13	H Soanh Niê	Nữ	10-07-1996	Ê đê	DTTS	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh A	A	5,0	75,0	80,0
14	H Thao Niê	Nữ	06-07-1997	Ê đê	DTTS	TC	GD Mầm non	Tiếng Anh A	ƯDTHCB	5,0	75,0	80,0
15	H Wong Mô	Nữ	17-06-1988	Ê đê	DTTS	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	5,0	75,0	80,0
16	H Nhon Mlô	Nữ	23-04-1998	Ê đê	DTTS	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	5,0	74,5	79,5
17	Bùi Thị Thanh Trúc	Nữ	09-08-1995	Kinh	Con TB	TC	GD Mầm non	Tiếng Anh B	B	5,0	74,5	79,5
18	H Hằng Mlô	Nữ	15-11-1999	Ê đê	DTTS	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	5,0	73,0	78,0
19	H Hương Mlô	Nữ	12-06-1997	Ê đê	DTTS	TC	GD Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	5,0	73,0	78,0
20	Nông Thị Hồng	Nữ	23-03-1988	Tày	DTTS	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	5,0	72,5	77,5
21	H Huyêt Niê	Nữ	23-04-1993	Ê đê	DTTS	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	5,0	71,5	76,5
22	Huỳnh Thị Kiều My	Nữ	05-12-1993	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDTHCB		76,5	76,5
23	Đặng Thị Quỳnh Nga	Nữ	30-08-1996	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	A		76,5	76,5

211

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
24	Đỗ Thị Nhạn	Nữ	08-01-1989	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	U'DTHCB		76,5	76,5
25	Mã Thị Lệ Thủy	Nữ	05-05-1995	Tày	DTTS	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	U'DTHCB	5,0	71,5	76,5
26	H Anh Niê	Nữ	30-03-1987	Ê đê	DTTS	TC	GD Mầm non	Tiếng Anh B	A	5,0	71,0	76,0
27	Phan Thị Lương	Nữ	08-08-1996	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	U'DTHCB		76,0	76,0
28	Nguyễn Thị Mỹ Yến	Nữ	13-12-1996	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh A	A		76,0	76,0
29	H Bế Niê	Nữ	01-01-1996	Ê đê	DTTS	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	B	5,0	70,5	75,5
30	Cao Thị Ngọc	Nữ	28-12-1997	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	U'DTHCB		75,5	75,5
31	Phạm Thị Hồng Nhung	Nữ	03-08-1998	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	U'DTHCB		75,5	75,5
32	Trần Thị Bảo Uyên	Nữ	13-08-1996	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh A	U'DTHCB		75,5	75,5
33	H Anh Ayun	Nữ	12-12-1996	Ê đê	DTTS	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	U'DTHCB	5,0	70,0	75,0
34	Nguyễn Thị Ngà	Nữ	10-09-1991	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh C	U'DTHCB		75,0	75,0
35	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	20-10-1999	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	U'DTHCB		74,5	74,5
36	Hồ Thị Phương Linh	Nữ	10-06-1990	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	A		74,0	74,0
37	Đinh Hồng Ngọc	Nữ	06-05-1997	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	B		74,0	74,0
38	Nguyễn Thanh Nhã	Nữ	02-09-1998	Kinh		CD	GD Mầm non	Tiếng Anh B	U'DTHCB		74,0	74,0
39	Trần Thị Luyến	Nữ	04-12-1990	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh A	B		72,5	72,5
40	Nguyễn Thị Mỹ Hoài	Nữ	16-07-1995	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	U'DTHCB		72,0	72,0
41	Đỗ Thị Nguyệt	Nữ	29-07-1996	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	A		72,0	72,0
42	Lê Thị Mai Dung	Nữ	27-08-1993	Kinh		CD	GD Mầm non	Tiếng Anh B	U'DTHCB		71,75	71,75
43	Nguyễn Thị Be	Nữ	12-03-1993	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh 2/6	U'DTHCB		71,5	71,5
44	Phan Thị Châu	Nữ	24-01-1997	Kinh		CD	GD Mầm non	Tiếng Anh A2	U'DTHCB		71,5	71,5
45	Trần Thị Tuyết Hòa	Nữ	15-11-1990	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	U'DTHCB		71,5	71,5

VL

**KẾT QUẢ PHỎNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TỔNG HỢP TIỂU HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
01	Nguyễn Bá Hưng	Nam	03-10-1996	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB		88,5	88,5
02	Hoàng Thị Thúy Hạnh	Nữ	19-08-1993	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh B	B		88,0	88,0
03	H Nhung Rcăm	Nữ	13-01-1995	Ê Đê	DTTS	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	5,0	82,0	87,0
04	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	06-09-1998	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB		86,5	86,5
05	Lê Văn Dương Mlô	Nam	27-02-1996	Ê Đê	DTTS	CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	5,0	81,0	86,0
06	Nguyễn Thị Lan Phương	Nữ	22-08-1997	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB		86,0	86,0
07	Nguyễn Thị Vy Thoa	Nữ	02-11-1997	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB		85,0	85,0
08	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	15-09-1997	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		84,5	84,5
09	Cao Thị Hà	Nữ	22-06-1994	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		84,5	84,5
10	Phạm Mạnh Hùng	Nam	07-01-1998	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB		84,0	84,0
11	Trương Thị Linh	Nữ	18-08-1998	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh C	ƯDTHCB		84,0	84,0
12	Lê Thị Bích Ngọc	Nữ	28-11-1995	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	B		84,0	84,0
13	Ngô Thị Ngọc	Nữ	17-09-1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		84,0	84,0
14	Mai Thị Bích	Nữ	29-07-1992	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		83,5	83,5
15	Trần Thị Việt Hà	Nữ	02-09-1995	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB		83,5	83,5
16	Đặng Thị Hải	Nữ	02-03-1995	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB		83,5	83,5
17	Vũ Thị Mỹ Hạnh	Nữ	10-12-1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB		83,5	83,5
18	Nguyễn Đức Linh	Nam	07-07-1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB		83,5	83,5
19	Phạm Thị Ngân	Nữ	20-09-1997	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB		83,5	83,5
20	Trần Thị Thu Nguyên	Nữ	25-03-1993	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB		83,5	83,5

Ud

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
21	Nguyễn Thị Phương	Nữ	10-10-1995	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		83,5	83,5
22	Phan Hồng Thơm	Nữ	26-03-1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		83,5	83,5
23	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	03-08-1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		83,5	83,5
24	Nguyễn Thế Anh	Nam	11-08-1995	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	B		83,0	83,0
25	Lê Vũ Hồng Ngọc	Nữ	22-08-1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		83,0	83,0
26	Lương Thị Huyền Trang	Nữ	30-12-1995	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		83,0	83,0
27	Nguyễn Thị Đào	Nữ	21-09-1998	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB		82,5	82,5
28	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	15-05-1993	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		82,5	82,5
29	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	16-08-1993	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	A		82,5	82,5
30	Nguyễn Thị Hồng Duyên	Nữ	30-11-1995	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	B		82,0	82,0
31	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	13-08-1997	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		82,0	82,0
32	Trương Thị Hồng Vân	Nữ	01-09-1993	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh B	B		82,0	82,0
33	Hoàng Thị Loan	Nữ	02-05-1988	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB		80,0	80,0
34	Phạm Lan Hương	Nữ	19-07-1997	Kinh		TC	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		79,5	79,5
35	Trần Quốc Trung	Nam	23-04-1992	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		79,5	79,5
36	H Bruôi Ayun	Nữ	12-06-1994	Ê Đê	DTTS	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B1	ƯDTHCB	5,0	74,0	79,0
37	Nguyễn Thị Cúc	Nữ	15-10-1990	Tày	DTTS	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	A	5,0	74,0	79,0
38	Nguyễn Thị Cảnh	Nữ	04-08-1990	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB		78,5	78,5
39	H Ly Nga Kbuôr	Nữ	06-02-1993	Ê Đê	DTTS	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	5,0	73,0	78,0
40	H' Mian Niê	Nữ	19-05-1992	Ê Đê	DTTS	CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	5,0	73,0	78,0
41	Phạm Thị Bích Phượng	Nữ	03-05-1998	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB		78,0	78,0
42	H Nhĩ Mlô	Nữ	20-06-1992	Ê Đê	DTTS	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	5,0	72,5	77,5
43	H' Đê Bô Ra Ktla	Nữ	23-12-1991	Ê Đê	DTTS	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	5,0	72,0	77,0
44	H Mrăt Niê	Nữ	26-02-1996	Ê Đê	DTTS	CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	5,0	72,0	77,0
45	Lộc Thị Phường	Nữ	22-01-1990	Nùng	DTTS	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	5,0	72,0	77,0
46	Lê Hoàng Trung	Nam	10-10-1990	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB		77,0	77,0
47	Nguyễn Thị Giang	Nữ	05-11-1997	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB		76,5	76,5

ƯD

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
48	H Trang Niê	Nữ	18-03-1993	Ê Đê	DTTS	CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	5,0	71,5	76,5
49	Nguyễn Thị Hồng Hà	Nữ	30-10-1997	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB		76,0	76,0
50	Hồ Nguyễn Phương Uyên	Nữ	23-12-1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		75,0	75,0
51	Lê Thị Thu Trang	Nữ	11-12-1997	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB		74,5	74,5
52	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	08-12-1993	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB		74,0	74,0
53	Nguyễn Trần Ánh Sương Huyền Vy	Nữ	25-02-1990	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		74,0	74,0
54	Lê Thị Ngọc Tuyền	Nữ	16-08-1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	A		73,5	73,5
55	Quế Thị Trường An	Nữ	01-09-1997	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B1	ƯDTHCB		71,5	71,5
56	Vũ Thị Ngân	Nữ	10-09-1993	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		71,5	71,5
57	H' Sang Mlô	Nữ	31-12-1994	Ê Đê	DTTS	CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	A	5,0	66,5	71,5
58	H Wuen Mlô	Nữ	10-07-1994	Ê Đê	DTTS	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh 3/6	B	5,0	66,5	71,5
59	Hoàng Thị Như Quỳnh	Nữ	03-04-1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB		71,0	71,0
60	Phan Thị Hà Trang	Nữ	03-11-1997	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB		70,5	70,5
61	Phạm Thị Minh Hà	Nữ	13-03-1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		70,0	70,0
62	H Ly Niê	Nữ	08-07-1991	Ê Đê	DTTS	TC	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	A	5,0	65,0	70,0
63	Tồn Lưu Thành	Nữ	15-03-1992	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB		69,5	69,5
64	Nguyễn Thị Tươi	Nữ	06-09-1991	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		69,5	69,5
65	H Wim Niê	Nữ	15/3/1994	Ê Đê	DTTS	CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A	A	5,0	64,0	69,0
66	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	06-08-1998	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB		68,0	68,0
67	H Luin Kđoh	Nữ	15-03-1986	Ê Đê	DTTS	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	A	5,0	62,5	67,5
68	Võ Thị Mến	Nữ	23-08-1989	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		67,5	67,5
69	Y Nghiệp Niê	Nam	10-10-1991	Ê Đê	DTTS	TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh B	B	5,0	62,5	67,5
70	Võ Thị Thảo	Nữ	28-08-1994	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		67,5	67,5
71	H Sri Mlô	Nữ	28-03-1993	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B1	B		66,5	66,5
72	Phạm Thị Hạnh	Nữ	05-11-1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB		65,5	65,5
73	H Lom Ayun	Nữ	16-04-1997	Ê Đê	DTTS	CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	A	5,0	58,0	63,0

VL

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
74	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	28-08-1996	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh B	B		61,5	61,5
75	Tổng Thị Cảnh Cúc	Nữ	21-09-1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	U'DTHCB		59,5	59,5
76	H Luin Êban	Nữ	27-05-1991	Ê Đê	DTTS	TC	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	5,0	53,0	58,0
77	Huỳnh Thị Thu Hiền	Nữ	01-11-1995	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B		56,25	56,25
78	Phạm Phú Hạnh	Nam	22-12-1991	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	U'DTHCB		55,75	55,75
79	H' Betsi Niê	Nữ	23-06-1993	Ê Đê	DTTS	CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	5,0	49,5	54,5
80	Phạm Thị Mỹ Hoài	Nữ	28-09-1997	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	U'DTHCB		54,5	54,5
81	H Ôn Ksor	Nữ	14-03-1990	Ê Đê	DTTS	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	A	5,0	48,5	53,5
82	Dur Anh Hào	Nam	24-08-1998	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	U'DTHCB		53,0	53,0

VD



**KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN THỂ DỤC TIỂU HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
01	Nguyễn Đình Huy	Nam	10-12-1997	Kinh		CĐ	SP GD Thể chất	Tiếng Anh A2	U'DTHCB		85,2	85,2
02	Phạm Thành Nam	Nam	09-08-1993	Kinh		ĐH	GD Thể chất	Tiếng Anh B	B		76,0	76,0
03	Lê Anh Thắng	Nam	15-09-1992	Kinh		ĐH	GD Thể chất	Tiếng Anh B	B		61,7	61,7

Ud



KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIẾNG ANH TIỂU HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1887 QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
01	Lê Thị Thanh Huệ	Nữ	15-03-1996	Kinh	Con TB	ĐH	SP Tiếng Anh	Tiếng Pháp B	ƯDTHCB	5,0	79,0	84,0
02	Trần Thị Liên	Nữ	14-07-1992	Kinh		ĐH	SP Tiếng anh	Tiếng pháp B	B		76,5	76,5
03	Phạm Văn Phước	Nam	31-08-1997	Kinh		ĐH	SP Tiếng Anh	Tiếng Pháp B1	B		56,5	56,5
04	Hồ Thị Bảng	Nữ	25-03-1988	Kinh		ĐH	SP Tiếng Anh	Tiếng Pháp B	ƯDTHCB		55,0	55,0
05	Phạm Thị Ngọc Trâm	Nữ	10-01-1997	Kinh		CĐ	SP Tiếng Anh	Tiếng Pháp B	B		34,00	34,0

ƯL



**KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN ÂM NHẠC TIỂU HỌC**

(Bản hành kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
01	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	12-01-1990	Kinh		CĐ	SP Âm nhạc	Tiếng Anh A2	UĐTHCB		66,0	66,0
02	H Thu Mlô	Nữ	10-09-1994	Ê Đê	DTTS	CĐ	SP Âm nhạc	Tiếng Anh B	A	5,0	60,0	65,0
03	Đinh Thanh Điệp	Nam	27-02-1993	Kinh		CĐ	SP Âm nhạc	Tiếng Anh B	B		62,0	62,0
04	Y Khem Ktla	Nam	07-06-1988	Ê Đê	DTTS	TC	SP Âm nhạc	Tiếng Anh B	UĐTHCB	5,0	51,0	56,0

Ud



**KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIẾNG ANH THCS**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
01	Đào Hoài Thương	Nữ	26-05-1993	Kinh		CĐ	Tiếng Anh	Tiếng pháp A1	ƯDTHCB		74,5	74,5
02	Nguyễn Thị Kim Hoan	Nữ	09-01-1989	Kinh		ĐH	Tiếng Anh	Tiếng Pháp B	ƯDTHCB		52,0	52,0

VL



**KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN HÓA HỌC THCS**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Điện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
01	Lê Thị Hạnh	Nữ	22-11-1995	Kinh	Con TB	ĐH	SP Hóa học	Tiếng Anh B	U'DTHCB	5,0	82,0	87,0
02	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	30-05-1995	Kinh		ĐH	SP Hóa học	Tiếng Anh B	U'DTHCB		70,75	70,75
03	Nguyễn Thị Thùy Uyên	Nữ	02-10-1993	Kinh		ĐH	SP Hóa học	Tiếng Anh B	U'DTHCB		55,0	55,0
04	Phùng Minh Huy Thanh	Nam	05-10-1992	Kinh		ĐH	Hóa học	Tiếng Anh B	B		51,5	51,5
05	Trần Thị Mỹ Châu	Nữ	29-09-1993	Kinh		ĐH	SP Hóa học	Tiếng Anh B	A		47,75	47,75
06	Phạm Thị Xuân Thủy	Nữ	02-08-1992	Kinh		ĐH	Hóa học	Tiếng Anh B	B		41,25	41,25

VL



**KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIN HỌC THCS**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
01	Cao Thị Mỹ	Nữ	14-01-1987	Kinh		ĐH	Tin học	Tiếng Anh B	Tin học		71,0	71,0
02	Võ Văn Duyên	Nam	07-03-1990	Kinh		ĐH	CNTT	Tiếng Anh B	CNTT		70,5	70,5
03	Phạm Thị Thu Hằng	Nữ	20-09-1990	Kinh		ĐH	CNTT	Tiếng Anh B	CNTT		68,5	68,5
04	Dương Thành Duy	Nam	05-02-1986	Kinh		ĐH	CNTT	Tiếng Anh B	CNTT		61,5	61,5
05	Đinh Thị Thanh Hoài	Nữ	22-02-1989	Kinh		ĐH	CNTT	Tiếng Anh C	CNTT		61,5	61,5
06	Nguyễn Chí Dũng	Nam	13-06-1991	Kinh		CĐ	CNTT	Tiếng Anh B	CNTT		54,0	54,0
07	Trần Thanh Thoạn	Nam	14-08-1989	Kinh		CĐ	Tin học - ứng dụng	Tiếng Anh B	Tin học - ứng dụng		50,5	50,5

2/1



**KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TOÁN THCS**

(Bản hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
01	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	14-07-1994	Kinh		ĐH	SP Toán	Tiếng Anh B1	UĐTHCB		83,5	83,5
02	Nguyễn Thị Tuyết Thảo	Nữ	04-08-1993	Kinh		CĐ	SP Toán	Tiếng Anh B	A		83,0	83,0
03	Lê Thị Thu Hà	Nữ	14-07-1994	Kinh		ĐH	SP Toán	Tiếng Anh B1	UĐTHCB		81,5	81,5
04	Nguyễn Thị Kim Chi	Nữ	08-10-1995	Kinh		CĐ	SP Toán	Tiếng Anh B	B		70,5	70,5
05	Đặng Hữu Dũng	Nam	10-06-1994	Kinh		CĐ	SP Toán	Tiếng Anh B	A		68,5	68,5
06	Phan Đình Mạnh	Nam	06-12-1992	Kinh		ĐH	SP Toán	Tiếng Anh TOEIC	B		68,5	68,5
07	Phạm Thị Hiền	Nữ	10-10-1993	Kinh		ĐH	SP Toán	Tiếng Anh B	B		66,0	66,0
08	Phạm Thị Lanh	Nữ	10-02-1986	Kinh		ĐH	SP Toán	Tiếng Anh B	UĐTHCB		61,5	61,5
09	Phan Thị Kiều Oanh	Nữ	10-10-1993	Kinh	Con BB	ĐH	SP Toán	Tiếng Anh B	B	5,0	55,5	60,5
10	Tôn Thị Oanh	Nữ	30-06-1990	Kinh		ĐH	SP Toán	Tiếng Anh B	UĐTHCB		59,0	59,0
11	Lê Thị Hiền Ly	Nữ	12-02-1996	Kinh		ĐH	SP Toán	Tiếng Anh B	B		56,0	56,0
12	Nguyễn Thị Phương Hoa	Nữ	29-12-1997	Kinh		ĐH	SP Toán	Tiếng Anh B	UĐTHCB		52,0	52,0
13	Đặng Thị Thanh Hằng	Nữ	04-10-1994	Kinh		ĐH	SP Toán	Tiếng Anh B	UĐTHCB		51,0	51,0
14	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	24-08-1994	Kinh		CĐ	SP Toán	Tiếng Anh B	B		50,5	50,5

Uđ



**KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN NGŨ VĂN THCS**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
01	Lê Thị Bình An	Nữ	03-06-1993	Kinh		ĐH	Văn học	Tiếng Anh B	UĐTHCB		87,5	87,5
02	Tôn Nữ Thanh Thái	Nữ	20-02-1985	Kinh		ĐH	SP Ngữ Văn	Tiếng Anh A2	UĐTHCB		83,0	83,0
03	Thái Nguyễn Cao Vy	Nữ	06-09-1995	Kinh		ĐH	Cử nhân Văn học	Tiếng Anh B1	UĐTHCB		81,5	81,5
04	H Liên Niê	Nữ	30-08-1990	Ê Đê	DTTS	ĐH	SP Ngữ Văn	Tiếng Anh B	UĐTHCB	5,0	62,5	67,5
05	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	04-08-1995	Kinh		CĐ	SP Ngữ Văn	Tiếng Anh B	B		67,5	67,5
06	Lương Thị Ái Ni	Nữ	04-02-1994	Kinh		ĐH	SP Ngữ Văn	Tiếng Anh B	B		66,0	66,0
07	Nguyễn Thị Phương	Nữ	05-08-1993	Kinh		ĐH	SP Ngữ Văn	Tiếng Anh B	B		63,0	63,0
08	Nguyễn Đình Hằng Nga	Nữ	15-04-1994	Kinh		ĐH	SP Ngữ Văn	Tiếng Anh B	B		61,5	61,5
09	Nguyễn Thị Mỹ Thùy	Nữ	10-11-1994	Kinh		ĐH	SP Ngữ Văn	Tiếng Anh B1	B		58,0	58,0
10	Phan Thị Hòa Hiền	Nữ	02-02-1993	Kinh		CĐ	SP Ngữ Văn	Tiếng Anh B	B		56,5	56,5

Ưd



**KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN VẬT LÝ THCS**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
01	Trần Thị Vương	Nữ	16-12-1994	Kinh		ĐH	SP Vật lý	Tiếng Anh B	B		79,5	79,5
02	Trần Thị Ngọc	Nữ	02-06-1996	Kinh		ĐH	SP Vật lý	Tiếng Anh B	UĐTHCB		69,5	69,5
03	Y Sen Mlô	Nam	10-02-1989	Ê Đê	DTTS	ĐH	SP Vật lý	Tiếng Anh B	A	5,0	59,0	64,0

Ud



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: KẾ TOÁN CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
	I. KẾ TOÁN MẦM NON											
01	Đặng Thị Tâm	Nữ	30/11/1989	Kinh		TC	Kế toán - DNSX	Tiếng Anh B	A		75,0	75,0
02	Bùi Tiến Sỹ	Nam	17-09-1990	Kinh		ĐH	Kế toán	Tiếng Anh B	B		73,0	73,0
03	Lê Thị Hằng	Nữ	14-03-1987	Kinh		TC	Kế toán	Tiếng Anh B	A		71,0	71,0
04	Thái Thị Lương	Nữ	18-01-1984	Kinh	Con TB	ĐH	Kế toán	Tiếng Anh B	B	5,0	65,0	70,0
05	Vũ Thị Minh Huyền	Nữ	20-06-1994	Kinh		CĐ	Kế toán	Tiếng Anh B	B		58,0	58,0
06	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	28-08-1990	Kinh		CĐ	Kế toán Doanh nghiệp	Tiếng Anh B	B		58,0	58,0
07	Biện Thị Thuận	Nữ	02-06-1981	Kinh		ĐH	Kế toán	Tiếng Anh B	U'DTHCB		57,0	57,0
	II. KẾ TOÁN TIỂU HỌC											
01	Vũ Thị Hồng Thắm	Nữ	05-08-1992	Kinh		TC	Tài chính - Ngân hàng	Tiếng Anh A	A		68,5	68,5
	III. KẾ TOÁN THCS											
01	Đặng Thanh Tùng	Nam	14-08-1990	Kinh		ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Tiếng Anh B	B		66,0	66,0
02	Võ Thị Hòa	Nữ	25-08-1989	Kinh		ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Tiếng Anh B	THVP		55,0	55,0

Ud



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: VĂN THƯ, LƯU TRỮ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
	I. VĂN THƯ MẦM NON											
01	Mai Thị Trang	Nữ	11-05-1981	Kinh		TC	Hành chính văn thư	Tiếng Anh B	B		74,0	74,0
	II. VĂN THƯ TIỂU HỌC											
01	Nguyễn Vũ Như Oanh	Nữ	02-09-1988	Kinh		TC	Văn thư	Tiếng Anh B	B		80,5	80,5
02	H Pi Niê	Nữ	11-06-1984	Ê Đê	DTTS	TC	Văn thư Vi tính	Tiếng Anh B	U'DTHCB	5,0	72,0	77,0
	III. VĂN THƯ THCS											
01	Đinh Thị Ngân	Nữ	02-01-1990	Kinh		TC	Hành chính Văn thư	Tiếng Anh B	A		61,0	61,0
	IV. LƯU TRỮ VIÊN											
01	Vũ Thị Nhung	Nữ	11-09-1982	Kinh		TC	Văn thư lưu trữ	Tiếng Anh B	B		80,0	80,0

Ud



**KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: PHÓNG VIÊN, PHÁT THANH VIÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
	I. PHÓNG VIÊN											
01	Nguyễn Bá Tùng	Nam	27-04-1990	Kinh		ĐH	Báo chí	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB		83,0	83,0
	II. PHÁT THANH VIÊN											
01	Lê Thị Ngọc	Nữ	10-12-1992	Kinh		ĐH	Ngữ văn	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB		85,0	85,0

VL



**DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN MẦM NON**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Không Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
1	Nguyễn Thị Bích Hương	Nữ	24-09-1995	Kinh		CĐ	GD Mầm non	Tiếng Anh B	B	Đạt		83,5	83,5
2	Lê Thị Tùng Nga	Nữ	14-05-1994	Kinh		TC	GD Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	Đạt		83,5	83,5
3	Nguyễn Thị Ly	Nữ	19-05-1994	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	Đạt		83,25	83,25
4	Vũ Thị Hải	Nữ	27-09-1991	Kinh		ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	Đạt		83,0	83,0
5	Trần Thị Huyền	Nữ	06-02-1996	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh 2/6	ƯDTHCB	Đạt		83,0	83,0
6	Phan Thị Thúy Hằng	Nữ	18-12-1987	Kinh		ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	Đạt		82,75	82,75
7	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	23-07-1991	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	B	Đạt		82,5	82,5
8	Lê Thị Ngọc Thúy	Nữ	07-12-1992	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh 2/6	ƯDTHCB	Đạt		82,5	82,5
9	Phạm Thị Trang	Nữ	14-09-1989	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	Đạt		82,5	82,5
10	Nguyễn Thị Cẩm Thúy	Nữ	15-06-1989	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh 2/6	ƯDTHCB	Đạt		82,0	82,0
11	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	23-07-1994	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	A	Đạt		81,75	81,75
12	Phạm Thị Hồng Ngọc	Nữ	20-04-1994	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	B	Đạt		81,0	81,0

ƯL



**DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TỔNG HỢP TIỂU HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
01	Nguyễn Bá Hưng	Nam	03-10-1996	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh A2	UĐTHCB	Đạt		88,5	88,5
02	Hoàng Thị Thúy Hạnh	Nữ	19-08-1993	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		88,0	88,0
03	H Nhung Rằm	Nữ	13-01-1995	Ê Đê	DTTS	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	UĐTHCB	Đạt	5,0	82,0	87,0
04	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	06-09-1998	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	UĐTHCB	Đạt		86,5	86,5
05	Lê Văn Dương Mlô	Nam	27-02-1996	Ê Đê	DTTS	CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	UĐTHCB	Đạt	5,0	81,0	86,0
06	Nguyễn Thị Lan Phương	Nữ	22-08-1997	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh B	UĐTHCB	Đạt		86,0	86,0
07	Nguyễn Thị Vy Thoa	Nữ	02-11-1997	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	UĐTHCB	Đạt		85,0	85,0
08	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	15-09-1997	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		84,5	84,5
09	Cao Thị Hà	Nữ	22-06-1994	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		84,5	84,5
10	Phạm Mạnh Hùng	Nam	07-01-1998	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	UĐTHCB	Đạt		84,0	84,0
11	Trương Thị Linh	Nữ	18-08-1998	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh C	UĐTHCB	Đạt		84,0	84,0
12	Lê Thị Bích Ngọc	Nữ	28-11-1995	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	B	Đạt		84,0	84,0
13	Ngô Thị Ngọc	Nữ	17-09-1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		84,0	84,0
14	Mai Thị Bích	Nữ	29-07-1992	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		83,5	83,5
15	Trần Thị Việt Hà	Nữ	02-09-1995	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	UĐTHCB	Đạt		83,5	83,5
16	Đặng Thị Hải	Nữ	02-03-1995	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh B	UĐTHCB	Đạt		83,5	83,5
17	Vũ Thị Mỹ Hạnh	Nữ	10-12-1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	UĐTHCB	Đạt		83,5	83,5
18	Nguyễn Đức Linh	Nam	07-07-1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	UĐTHCB	Đạt		83,5	83,5
19	Phạm Thị Ngân	Nữ	20-09-1997	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh A2	UĐTHCB	Đạt		83,5	83,5

Ud



**DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TỔNG HỢP TIỂU HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
20	Trần Thị Thu Nguyên	Nữ	25-03-1993	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB	Đạt		83,5	83,5
21	Nguyễn Thị Phương	Nữ	10-10-1995	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		83,5	83,5
22	Phan Hồng Thom	Nữ	26-03-1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		83,5	83,5
23	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	03-08-1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		83,5	83,5
24	Nguyễn Thế Anh	Nam	11-08-1995	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	B	Đạt		83,0	83,0
25	Lê Vũ Hồng Ngọc	Nữ	22-08-1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		83,0	83,0
26	Lương Thị Huyền Trang	Nữ	30-12-1995	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		83,0	83,0
27	Nguyễn Thị Đào	Nữ	21-09-1998	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	Đạt		82,5	82,5
28	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	15-05-1993	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		82,5	82,5
29	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	16-08-1993	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	A	Đạt		82,5	82,5
30	Nguyễn Thị Hồng Duyên	Nữ	30-11-1995	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	B	Đạt		82,0	82,0
31	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	13-08-1997	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		82,0	82,0
32	Trương Thị Hồng Vân	Nữ	01-09-1993	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		82,0	82,0

ƯĐ



**DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIẾNG ANH TIỂU HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
01	Lê Thị Thanh Huệ	Nữ	15-03-1996	Kinh	Con TB	ĐH	SP Tiếng Anh	Tiếng Pháp B	ƯDTHCB	Đạt	5,0	79,0	84,0
02	Trần Thị Liên	Nữ	14-07-1992	Kinh		ĐH	SP Tiếng anh	Tiếng pháp B	B	Đạt		76,5	76,5

Ưd



**DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN THỂ DỤC TIỂU HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Điện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
01	Nguyễn Đình Huy	Nam	10-12-1997	Kinh		CĐ	SP GD Thể chất	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB	Đạt		85,2	85,2

Ved



**DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN ÂM NHẠC TIỂU HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
01	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	12-01-1990	Kinh		CĐ	SP Âm nhạc	Tiếng Anh A2	UDTHCB	Đạt		66,0	66,0

Ưd



**DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN NGỮ VĂN THCS**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
01	Lê Thị Bình An	Nữ	03-06-1993	Kinh		ĐH	Văn học	Có NVSP	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	Đạt		87,5	87,5
02	Tôn Nữ Thanh Thái	Nữ	20-02-1985	Kinh		ĐH	SP Ngữ Văn		Tiếng Anh A2	ƯDTHCB	Đạt		83,0	83,0
03	Thái Nguyễn Cao Vy	Nữ	06-09-1995	Kinh		ĐH	Cử nhân Văn học	Có NVSP	Tiếng Anh B1	ƯDTHCB	Đạt		81,5	81,5

VL



**DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TOÁN THCS**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
01	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	14-07-1994	Kinh		ĐH	SP Toán		Tiếng Anh B1	ƯDTHCB	Đạt		83,5	83,5
02	Nguyễn Thị Tuyết Thảo	Nữ	04-08-1993	Kinh		CĐ	SP Toán		Tiếng Anh B	A	Đạt		83,0	83,0
03	Lê Thị Thu Hà	Nữ	14-07-1994	Kinh		ĐH	SP Toán		Tiếng Anh B1	ƯDTHCB	Đạt		81,5	81,5

Ud



**DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN HÓA HỌC THCS**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
01	Lê Thị Hạnh	Nữ	22-11-1995	Kinh	Con TB	ĐH	SP Hóa học		Tiếng Anh B	ƯDTHCB	Đạt	5,0	82,0	87,0

Ud



**DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN VẬT LÝ THCS**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
01	Trần Thị Vương	Nữ	16-12-1994	Kinh		ĐH	SP Vật lý		Tiếng Anh B	B	Đạt		79,5	79,5

Ưk



**DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIẾNG ANH THCS**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
01	Đào Hoài Thương	Nữ	26-05-1993	Kinh		CĐ	Tiếng Anh	Có NVSP	Tiếng pháp A1	ƯDTHCB	Đạt		74,5	74,5

Uđ



**DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIN HỌC THCS**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
01	Cao Thị Mỹ	Nữ	14-01-1987	Kinh		ĐH	Tin học	Có NVSP	Tiếng Anh B	Tin học	Đạt		71,0	71,0
02	Võ Văn Duyên	Nam	07-03-1990	Kinh		ĐH	CNTT	Có NVSP	Tiếng Anh B	CNTT	Đạt		70,5	70,5
03	Phạm Thị Thu Hằng	Nữ	20-09-1990	Kinh		ĐH	CNTT	Có NVSP	Tiếng Anh B	CNTT	Đạt		68,5	68,5

led



**DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: KẾ TOÁN CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
I. KẾ TOÁN MẦM NON													
01	Đặng Thị Tâm	Nữ	30/11/1989	Kinh		TC	Kế toán - DNSX	Tiếng Anh B	A	Đạt		75,0	75,0
02	Bùi Tiến Sỹ	Nam	17-09-1990	Kinh		ĐH	Kế toán	Tiếng Anh B	B	Đạt		73,0	73,0
03	Lê Thị Hằng	Nữ	14-03-1987	Kinh		TC	Kế toán	Tiếng Anh B	A	Đạt		71,0	71,0
II. KẾ TOÁN TIỂU HỌC													
01	Vũ Thị Hồng Thắm	Nữ	05-08-1992	Kinh		TC	Tài chính - Ngân hàng	Tiếng Anh A	A	Đạt		68,5	68,5
III. KẾ TOÁN THCS													
01	Đặng Thanh Tùng	Nam	14-08-1990	Kinh		ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Tiếng Anh B	B	Đạt		66,0	66,0

UK



**DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: VĂN THƯ, LƯU TRỮ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
	I. VĂN THƯ MẦM NON												
01	Mai Thị Trang	Nữ	11-05-1981	Kinh		TC	Hành chính văn thư	Tiếng Anh B	B	Đạt		74,0	74,0
	II. VĂN THƯ TIỂU HỌC												
01	Nguyễn Vũ Như Oanh	Nữ	02-09-1988	Kinh		TC	Văn thư	Tiếng Anh B	B	Đạt		80,5	80,5
	III. VĂN THƯ THCS												
01	Đinh Thị Ngân	Nữ	02-01-1990	Kinh		TC	Hành chính Văn thư	Tiếng Anh B	A	Đạt		61,0	61,0
	IV. LƯU TRỮ VIÊN												
01	Vũ Thị Nhung	Nữ	11-09-1982	Kinh		TC	Văn thư lưu trữ	Tiếng Anh B	B	Đạt		80,0	80,0

Handwritten signature



**DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: PHÓNG VIÊN, PHÁT THANH VIÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Điện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
	I. PHÓNG VIÊN												
01	Nguyễn Bá Tùng	Nam	27-04-1990	Kinh		ĐH	Báo chí	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB	Đạt		83,0	83,0
	II. PHÁT THANH VIÊN												
01	Lê Thị Ngọc	Nữ	10-12-1992	Kinh		ĐH	Ngữ văn	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB	Đạt		85,0	85,0

Ud